



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số / with decision No : / QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 02 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia / of BoA Director)

Tên tổ chức giám định : **PHÒNG KIM LOẠI VÀ KHOÁNG SẢN (MMT)**
CÔNG TY TNHH BUREAU VERITAS VIỆT NAM
Name of Inspection **Metals & Minerals Trading Division (MMT)**
Body: **BUREAU VERITAS VIETNAM CO., LTD**
Mã số công nhận **VIAS 014**
Accreditation Code:
Chuẩn mực công nhận **ISO/IEC 17020:2012**
Accreditation standard:
Địa chỉ trụ sở chính : **Số 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Cầu Kiệu, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Head office address: **36-38 Nguyen Van Troi Street, Cau Kieu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**
Địa điểm công nhận/ **Số 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Cầu Kiệu, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Accredited locations: **36-38 Nguyen Van Troi Street, Cau Kieu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**
Điện thoại/ Tel: **+84 (28) 3812 2196**
Email: **thu-huyen.nguyen@bureauveritas.com** Website: **www.bureauveritas.vn**
Loại tổ chức giám định : **Loại A**
Type of Inspection: **Type A**
Người đại diện/ **Nguyễn Thị Thu Huyền**
Authorized Person:
Hiệu lực công nhận / **Kể từ ngày / 02 / 2026 đến ngày 26 / 08 / 2026**
Period of Validation:



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2
EXPANDED SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS - SECOND EXPANSION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Định lượng (Hàng Hóa: hàng rời, đóng bao/kiện) Quantity (Cargo: bulk & in bag/package)	- Số lượng, kiểm đếm; - Khối lượng theo cân; - Khối lượng theo mớn, - Quantity, tally; - Weight by scale; - Draft survey	 CSQP-02 CSQP-03 CSQP-04 CSQP-27	 MMT
Hàng hải (Tàu) Marine survey (Ship)	- Giám định sạch sẽ hầm hàng - Giám định niêm phong hầm hàng - Bàn giao tàu - Hold cleanliness survey; - Hatch sealing survey; - On hire/ off hire survey;	 CSQP-32 CSQP-33 CSQP-35	 MMT
Vật liệu kim loại: Kim loại và hợp kim, Phôi kim loại Metals materials: Metal and alloy, Semi- finished products of metal	- Tình trạng - Lấy mẫu - Chất lượng (đặc tính hóa, lý) - Condition - Sampling - Quality (chemical, physical characteristics)	 CSQP-05 CSQP-06 CSQP-08 CSQP-09	 MMT
Phế liệu: Sắt thép phế liệu Scrap: Steel scrap	- Phân loại theo kích thước và mã HS, tạp chất. - Grading, classification by HS, impurity.	 CSQP-07 CSQP-07A	 MMT



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2
EXPANDED SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS - SECOND EXPANSION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Phế liệu: Sắt thép phế liệu Scrap: Steel scrap	Tầm soát phóng xạ tại hiện trường theo Suất liều ($\mu\text{Sv/h}$) và/hoặc tổng nhiễm xạ bề mặt (Bq/cm^2). <i>On-site Screening radioactive by Radiation dose rate ($\mu\text{Sv/h}$) and/or Total radioactive surface contamination (Bq/cm^2).</i>	CSQP-07 CSQP-07A	MMT
Máy móc, thiết bị: Máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ Machinery, Equipments: <i>Machinery, equipments & production line</i>	- Số lượng, chủng loại, qui cách, tình trạng chất lượng, tính đồng bộ <i>- Quantity, type, specification, quality condition, completeness</i>	CSQP-04 CSQP-05 CSQP-18 CSQP-45	MMT
Khoáng sản phi kim loại: Đá vôi, thạch cao Nonmetallic minerals: <i>Limestone, gypsum</i>	- Lấy mẫu - Chất lượng (đặc tính hóa, lý) - <i>Sampling</i> - <i>Quality (chemical, physical characteristics)</i>	CSQP-51 CSQP-52	MMT
Vật liệu xây dựng: Xi măng, Clanke Construction materials: <i>Cement, clinker</i>	- Lấy mẫu - Chất lượng (đặc tính hóa, lý) - <i>Sampling</i> - <i>Quality (chemical, physical characteristics)</i>	CSQP-49 CSQP-50	MMT



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2
EXPANDED SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS - SECOND EXPANSION

Ghi chú/ Note:

- CSQP... : Qui trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- Trường hợp Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam cung cấp dịch vụ giám định thì Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the BUREAU VERITAS VIETNAM CO., LTD that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2
EXPANDED SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS - SECOND EXPANSION

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình giám sát cân	CSQP-02 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định món nước	CSQP-03 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định số lượng	CSQP-04 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định tình trạng	CSQP-05 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định quy cách chất lượng	CSQP-06 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định phế liệu, sắt, thép	CSQP-07 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định sắt, thép phế liệu phục vụ quản lý Nhà nước	CSQP-07A (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định thép phôi	CSQP-08 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định quặng kim loại	CSQP-09 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình kiểm tra sàng	CSQP-14 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định máy móc, thiết bị mới	CSQP-18 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định bằng cân bàn	CSQP-27 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định sạch sẽ hầm hàng	CSQP-32 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định và kiểm tra niêm phong	CSQP-33 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định giao trả tàu biển full on-off hire survey	CSQP-35 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định đồng bộ máy móc thiết bị	CSQP-45 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định Xi măng	CSQP-49 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định Clinker	CSQP-50 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định đá vôi	CSQP-51 (Version: 01- Date 01/07/2025)
Quy trình giám định Thạch cao	CSQP-52 (Version: 01- Date 01/07/2025)